TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu: 1Am/TĐTKT-KH

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT

(Áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được chọn mẫu điều tra)

Mã tỉnh/TP

- Tên doanh nghiệp: ..... (*CQ Thống kê ghi*)

(Viết chữ in hoa, có dấu, không viết tắt)

- Địa chỉ doanh nghiệp (*Tỉnh/TP*): ..... | | |

Mục A: Tình hình sử dụng công nghệ/máy móc thiết bị sản xuất, công nghệ thông tin và truyền thông của doanh nghiệp

Thưa Ông/Bà, phần câu hỏi đầu tiên liên quan đến **tình hình sử dụng máy móc thiết bị/công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin – truyền thông** tại doanh nghiệp của Ông/Bà trong năm 2016.

		a. Quan trọng nhất	**b. Quan trọng thứ hai**
1.1	Kể tên 2 **công nghệ hoặc máy móc thiết bị sản xuất** hiện đang được sử dụng nhiều nhất trong doanh nghiệp *(Xếp theo thứ tự mức độ quan trọng)*	……...…… ……...……..	……...…… ……...……
1.2	Nước sản xuất	Nước .....Mã……	Nước .....Mã……..
1.3	Năm sản xuất	Năm	Năm . . . . .
1.4	Loại công nghệ hoặc máy móc sản xuất: *(Khoanh tròn 01 chữ số lựa chọn phù hợp)*	1 Dụng cụ cầm tay cơ học 2 Dụng cụ cầm tay sử dụng điện 3 Máy móc do người điều khiển 4 Máy móc do máy tính điều khiển 5 Khác, *ghi rõ:* ……	1 Dụng cụ cầm tay cơ học 2 Dụng cụ cầm tay sử dụng điện 3 Máy móc do người điều khiển 4 Máy móc do máy tính điều khiển 5 Khác, *ghi rõ:* ……
1.5	Năm bắt đầu sử dụng	Năm……..	Năm……..
1.6	Tổng chi phí mua công nghệ, máy móc, thiết bị cộng dồn tính đến 31/12/2016	…… triệu đồng	…… triệu đồng
1.6.1	*Tổng chi phí mua* công nghệ, máy móc, thiết bị trong *năm 2016*	…… *triệu đồng*	
1.7	Số ngày/giờ hoạt động trung bình của máy móc, thiết bị sản xuất kể trên	1..... ngày 1 tuần 2. ..... giờ 1 ngày	1..... ngày 1 tuần 2. ..... giờ 1 ngày

		a. Quan trọng nhất	**b. Quan trọng thứ hai**
2.1	Kể tên 2 **công nghệ hoặc máy móc thiết bị thông tin và truyền thông** hiện đang được sử dụng nhiều nhất trong doanh nghiệp *(Xếp theo thứ tự mức độ quan trọng)*	……...…… ……...……	……...…… ……...……
2.2	Nước sản xuất	Nước……Mã…….	Nước……..Mã……
2.3	Năm sản xuất	Năm……..…..	Năm……..
2.4	Loại thiết bị công nghệ: *(Khoanh tròn 01 chữ số lựa chọn phù hợp)*	1. Điện thoại cố định 2. Điện thoại di động 3. Máy fax 4. Máy tính cá nhân (*không có internet*) 5. Internet 6. Khác, *ghi rõ:*…….	1. Điện thoại cố định 2. Điện thoại di động 3. Máy fax 4. Máy tính cá nhân (*không có internet*) 5. Internet 6. Khác, *ghi rõ:*…….
2.5	Năm bắt đầu sử dụng	Năm……..…..	Năm……..

2.6	Chi phí mua công nghệ, máy móc, thiết bị lúc đầu	…….……triệu đồng	……..……triệu đồng
2.6.1	*Tổng chi phí mua công nghệ truyền thông và tin học trong năm 2016*	*……..triệu đồng*	

		a. Công nghệ/MMTB sản xuất	**b. Công nghệ/MMTB thông tin, truyền thông**
3.1	Tỷ lệ % (*tính theo giá trị*) công nghệ/MMTB doanh nghiệp sử dụng trong năm 2016 là từ?	1. Mua ……..……... % 2. DN khác cung cấp……....% 3. Tự phát triển……% 4. Khác, *ghi rõ*…..……% *(Tổng số bằng 100%)*	1. Mua ……..……... % 2. DN khác cung cấp……....% 3. Tự phát triển……% 4. Khác, *ghi rõ*…..……% *(Tổng số bằng 100%)*
	Nếu phần lớn công nghệ/MMTB KHÔNG do doanh nghiệp tự phát triển (tỷ lệ tự phát triển <50%), 1. Nhà cung cấp công nghệ/MMTB chủ yếu cho DN là? *(Khoanh tròn 01 lựa chọn phù hợp)* Nếu tỷ lệ tự phát triển >= 50%, chuyển tới 3.2	1. DN Việt Nam cùng ngành 2. DN Việt Nam khác ngành 3. DN nước ngoài ở Việt Nam cùng ngành 4 .DN nước ngoài ở Việt Nam khác ngành 5. DN nước ngoài ở ngoài Việt Nam cùng ngành 6. DN nước ngoài ở ngoài Việt Nam khác ngành 7. Khác, *ghi rõ* ……..	1. DN Việt Nam cùng ngành 2. DN Việt Nam khác ngành 3. DN nước ngoài ở Việt Nam cùng ngành 4. DN nước ngoài ở Việt Nam khác ngành 5. DN nước ngoài ở ngoài Việt Nam cùng ngành 6. DN nước ngoài ở ngoài Việt Nam khác ngành 7. Khác, *ghi rõ* ……..
	*Nếu phần lớn (>50%) công nghệ/MMTB được cung cấp bởi **DN nước ngoài** (câu trả lời ở mục 3.1.1 là mã 5, 6 hoặc 7 nếu là DN nước ngoài),* 2. Nước nào là nhà cùng cấp công nghệ/MMTB quan trọng nhất đối với doanh nghiệp	Nước .....Mã……..	Nước .....Mã……..
	*Nếu phần lớn (>50%) công nghệ/MMTB được cung cấp bởi **DN Việt Nam** (câu trả lời ở mục 3.1.1 là mã 1, 2, 3, 4 hoặc 7 nếu là DN trong nước)* 3. (Các) DN này chủ yếu là… *(Khoanh tròn 01 lựa chọn phù hợp)*	1. DN nhà nước 2. DN ngoài nhà nước, trong cùng tập đoàn, tổng công ty 3. DN ngoài nhà nước, ngoài tập đoàn, tổng công ty 4. DN có vốn đầu tư nước ngoài 5. Khác, *ghi rõ*: ……..	1. DN nhà nước 2. DN ngoài nhà nước, trong cùng tập đoàn, tổng công ty 3. DN ngoài nhà nước, ngoài tập đoàn, tổng công ty 4. DN có vốn đầu tư nước ngoài 5. Khác, *ghi rõ*: ……..
3.2	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công nghệ sản xuất/công nghệ thông tin và truyền thông của doanh nghiệp được thực hiện bằng cách nào?	1. Tự bảo dưỡng 2. Thuê ngoài bảo dưỡng 3. Cả hai,	1. Tự bảo dưỡng 2. Thuê ngoài bảo dưỡng 3. Cả hai,
3.3	Số lao động của doanh nghiệp có thay đổi nhờ việc phát triển và sử dụng công nghệ sản xuất/công nghệ thông tin và truyền thông không? (*Khoanh tròn 01 lựa chọn phù hợp)*	1. Có, số lao động tăng lên…..... ..người 2. Có, số lao động giảm đi……. ...người 3. Không thay đổi	1. Có, số lao động tăng lên…..... ..người 2. Có, số lao động giảm đi……. ...người 3. Không thay đổi
3.4	Trong doanh nghiệp, ai là người chịu trách nhiệm chính trong việc vận hành, bảo trì,bảo dưỡng công nghệ? (*Khoanh tròn 01 lựa chọn phù hợp)*	1. Người nước ngoài 2. Người Việt Nam 3. Kiều bào trở về nước	1. Người nước ngoài 2. Người Việt Nam 3. Kiều bào trở về nước

Mục B: Cơ cấu đầu vào và quan hệ với nhà cung cấp

4.1	a. Doanh nghiệp mua nguyên liệu (*gồm cả nguyên liệu thô và trung gian)* từ đâu (%)? 1. Cùng một tỉnh ……% 2. Các tỉnh khác trong cùng một vùng ……% 3. Các vùng khác .....……..% 4. Các nước ASEAN ……% 5. Các nước ngoài ASEAN ……....% *(Tổng số bằng 100%)*			
	b. Nếu mục 4.1 a có câu trả lời là mã 4 hoặc 5 →	1. Hãy nêu 3 nước quan trọng nhất mà doanh nghiệp mua nguyên liệu thô: 1. Nước…… . . ..Mã: . . . . . 2. Nước…… . . ..Mã: . . . . . 3. Nước…… . . ..Mã:	2. Tỷ lệ % trong tổng nguyên liệu thô mà DN sử dụng: ……% ……% ……%	3. Năm bắt đầu nhập khẩu nguyên liệu thô: Năm…… Năm…… Năm……

	c. Nếu mục 4.1 a có câu trả lời là mã 4 hoặc 5 thì: Doanh nghiệp giao dịch trực tiếp với thương nhân ở nước xuất khẩu hay thông qua một nhà nhập khẩu trung gian ở Việt Nam *(khoanh tròn một lựa chọn phù hợp)?* 1. Giao dịch trực tiếp với thương nhân ở nước xuất khẩu 2. Thông qua nhà nhập khẩu trung gian ở Việt Nam		
4.2	1. Doanh nghiệp có ký **hợp đồng dài hạn** *(từ 36 tháng trở lên)* với nhà cung cấp nguyên liệu thô hoặc đầu vào trung gian ở trong nước hoặc nước ngoài không?	a) Trong nước **1. Có** → *Số lượng nhà cung cấp là:* 1.1. Doanh nhiệp nhà nước: ...……. 1.2. Doanh nghiệp ĐTNN: .....……. 1.3. Doanh nghiệp tư nhân: .....…….. 1.4. Khác, nêu cụ thể: .....…… **2. Không**	b) Quốc tế **1. Có** → Hãy nêu 3 nước quan trọng nhất *(theo thứ tự về tầm quan trọng)*: 1. Nước…… . . . .Mã: . . . ... 2. Nước……..... .....Mã: . . . . . 3. Nước…… . . . .Mã: . . . . . **2. Không**
	2. Thời hạn trung bình của hợp đồng là bao lâu? *(chung cho cả hợp đồng dài hạn và ngắn hạn)*	1 Trong nước:…… tháng 2 Quốc tế:.....……..…tháng	
4.3	1. Doanh nghiệp có khoản đầu tư cụ thể nào liên quan đến một hợp đồng dài hạn không? *(đầu tư cho công nghệ sản xuất/máy móc, thiết bị, công nghệ truyền thông và tin học, cơ sở hạ tầng hoặc đào tạo kỹ năng cho nhân viên)*? →		1. Có 2. Không
	2. Các hợp đồng có kèm theo chuyển giao công nghệ từ nhà cung cấp trong nước cho doanh nghiệp không? →		1. Có 2. Không *Chuyển tới 4.3.4*
	3. Các chuyển giao công nghệ từ nhà cung cấp trong nước cho doanh nghiệp là: → *(Khoanh tròn 01 lựa chọn phù hợp)*		1. Một điều khoản được ghi rõ trong hợp đồng 2. Kèm theo hướng dẫn sử dụng nhưng không ghi rõ trong hợp đồng 3. Không kèm theo hướng dẫn sử dụng và không ghi trong hợp đồng
	4. Các hợp đồng có kèm theo chuyển giao công nghệ từ nhà cung cấp nước ngoài cho doanh nghiệp không? →		1. Có 2. Không *chuyển tới 5.1*
	5. Các chuyển giao công nghệ từ nhà cung cấp nước ngoài cho doanh nghiệp là? → (*Khoanh tròn 01 lựa chọn phù hợp)*		1. Có điều khoản được ghi rõ trong hợp đồng 2. Kèm theo hướng dẫn sử dụng nhưng không ghi rõ trong hợp đồng 3. Không kèm theo hướng dẫn sử dụng và không ghi trong hợp đồng

Mục C: Cơ cấu đầu ra và quan hệ với khách hàng/người tiêu dùng

5.1	Kể tên **ba sản phẩm quan trọng nhất** (*theo doanh thu*) do DN sản xuất và bán trong năm 2016 →		*(Mã SP do CQTK ghi)* 1. Tên …….……Mã SP cấp 8 ☐☐☐☐☐☐☐☐ 2. Tên……..... Mã SP cấp 8 ☐☐☐☐☐☐☐☐ 3. Tên…… Mã SP cấp 8 ☐☐☐☐☐☐☐☐
5.2	Ước tính tỷ lệ(%) trong tổng giá trị đầu ra là: →	1. Sản phẩm trung gian (*phục vụ việc SX sản phẩm khác*) …. ……. % 2. Sản phẩm cuối cùng (*được sử dụng bởi khách hàng cuối cùng*)…..……..% *(Tổng số bằng 100%)*	
5.3	Tỷ lệ % trong tổng sản phẩm đầu ra (*theo doanh thu*): →		1. Bán tại Việt Nam ……. ……..…% 2. Xuất khẩu ……..…… % *(Tổng số bằng 100%)*
5.4	**Thông tin về khách hàng trong nước**, *chỉ hỏi câu hỏi này nếu doanh nghiệp bán sản phẩm cho khách hàng ở trong nước (nếu doanh nghiệp không bán sản phẩm cho khách hàng ở trong nước, chuyển tới 5.6)*		
	1. Thời hạn hợp đồng trung bình với khách hàng ở trong nước là: →		……..tháng
	2. Số lượng khách hàng trong nước theo loại hình sở hữu là: →		1. DN nhà nước……..…… 2. DN có vốn đầu tư nước ngoài…….…… 3. DN ngoài nhà nước.…… 4. Khác, ghi rõ:.……
	3. DN có thực hiện bất cứ đầu tư cụ thể nào (*đối với công nghệ/MMTB sản xuất hoặc công nghệ thông tin, truyền thông, cơ sở hạ tầng hoặc đào tạo kỹ thuật cho nhân viên,…*) liên quan đến khách		1. Có

	hàng ở trong nước không?	2. Không
	4. Phần lớn các hợp đồng có bao gồm chuyển giao công nghệ từ khách hàng cho doanh nghiệp không? →	1.Có 2.Không
	Nếu câu trả lời là có, phần lớn chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp là*:* → (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)	1. Một điều khoản được ghi rõ trong hợp đồng 2. Kèm theo hướng dẫn sử dụng nhưng không ghi rõ trong hợp đồng 3. Không kèm theo hướng dẫn sử dụng và không ghi trong hợp đồng

5.5	**Thông tin về khách hàng ở ngoài Việt Nam**, *chỉ hỏi câu hỏi này nếu doanh nghiệp bán sản phẩm cho khách hàng ở ngoài Việt Nam (nếu doanh nghiệp không xuất khẩu, chuyển tới câu 6.1)*		
	1.Thời hạn hợp đồng trung bình với khách hàng ở ngoài Việt Nam		…….....….tháng
	2. Kể tên 3 quốc gia quan trọng nhất mà DN xuất khẩu hàng hóa tới trong năm 2016 (*xếp theo thứ tự quan trọng*) 1. Nước…… . . . Mã…… 2. Nước…… . . . Mã…… 3. Nước… . . …. . . . .Mã……..	a. Tỷ lệ (%) xuất khẩu tới mỗi nước trong tổng giá trị đầu ra: …… . . . .% …… . . . .% …… . . . . %	b. Năm bắt đầu xuất khẩu (*tới mỗi nước*): Năm……. Năm……. Năm…….
	3. DN có thực hiện bất cứ đầu tư cụ thể nào (*đối với công nghệ/MMTB sản xuất hoặc công nghệ thông tin, truyền thông, cơ sở hạ tầng hoặc đào tạo kỹ thuật cho nhân viên*,…) liên quan đến khách hàng ở ngoài Việt Nam không?		1. Có 2. Không
	4. Phần lớn các hợp đồng có bao gồm chuyển giao công nghệ từ các khách hàng cho doanh nghiệp không?		1.Có 2.Không
	Nếu câu trả lời là có, phần lớn chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp là*:* → (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)		1. Một điều khoản được ghi rõ trong hợp đồng 2. Kèm theo hướng dẫn sử dụng nhưng không ghi rõ trong hợp đồng 3. Không kèm theo hướng dẫn sử dụng và không ghi trong hợp đồng

6.1	Có bao nhiêu khách hàng thường mua sản phẩm quan trọng nhất do doanh nghiệp sản xuất? → (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)	1. Chỉ một khách hàng 2. Từ 2 đến 5 khách hàng 3. Từ 6 đến 10 khách hàng 4. Từ 11 đến 20 khách hàng 5. Trên 20 khách hàng
6.2	Khách hàng quan trọng nhất của doanh nghiệp là: → (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)	1. DN nhà nước 2. DN ngoài nhà nước 3. DN đầu tư nước ngoài 4. Khác, *ghi rõ*…….
6.3	Cơ cấu bán hàng (năm 2016) của sản phẩm quan trọng nhất (tính theo tỷ lệ %) cung cấp theo khu vực địa lý là: →	1. Trong cùng tỉnh/TP……..% 2. Tỉnh/TP giáp ranh…….. ……% 3. Tỉnh/TP khác (không giáp ranh)……..% 4. Ngoài Việt Nam……...…….....…..% (*Tổng số bằng 100%)*
6.4	Cơ cấu bán hàng (năm 2016) của sản phẩm quan trọng nhất (tính theo tỷ lệ %) cung cấp theo loại hình doanh nghiệp và người tiêu dùng là: →	1. DN nhà nước……% 2. DN ngoài nhà nước…...…….....…% 3. DN đầu tư nước ngoài……...…% 4. Khác, *ghi rõ:*..…….……% (*Tổng số bằng 100%)*
6.5	Khoảng cách trung bình tới khách hàng quan trọng nhất của doanh nghiệp: *(Chọn trong khoảng **1-8** (**1**:0-5km, **2**:Trên 5-10km **3**:Trên 10-20km, **4**:Trên 20-50km, **5**: Trên 50-100km, **6**:Trên 100-250km, **7**:Trên 250-500km, **8**: Trên 500km)* *(Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp)*	1 2 3 4 5 6 7 8

Mục D: Các kênh chuyển giao công nghệ

7.1	Đánh giá sự phù hợp của các kênh chuyển giao công nghệ sau đây đối với doanh nghiệp? (*Trong mỗi dòng, khoanh tròn 1 câu trả lời phù hợp*) *0= không phù hợp, 1= Ít phù hợp, 10= rất phù hợp*	
	1. Mua công nghệ đã được thể hiện bằng hàng hóa 2. Mua công nghệ từ các tổ chức nghiên cứu hoặc công ty khác 3. Sử dụng công nghệ do các công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ cổ đông)* 4. Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ các nhà cung ứng hoặc khách hàng)* 5. Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
	Nếu có câu trả lời ở mục 7.1 mã 3 hoặc 4 (khoanh tròn 1 câu trả lời phù hợp) 1. Nếu cung cấp công nghệ thì hình thức chuyển giao chủ yếu là:	1. Hợp đồng thỏa thuận và là hợp đồng pháp lý 2. Hợp đồng thỏa thuận nhưng không phải là hợp đồng pháp lý

	→	3. Không có hợp đồng trước
	Nếu trả có câu lời ở mục 7.1 mã 5 (khoanh tròn 1 câu trả lời phù hợp) → 2. Trong doanh nghiệp, ai là người chịu trách nhiệm chính thực hiện việc chuyển giao công nghệ?	1. Người nước ngoài 2. Người Việt Nam 3. Kiều bào trở về nước
7.2	Nếu quan hệ của doanh nghiệp với khách hàng trong nước ở Việt Nam dẫn đến việc chuyển giao công nghệ, thì dưới loại hình nào? (*Khoanh tròn những lựa chọn phù hợp)* →	1. Đầu tư vào công nghệ mới được thể hiện qua hàng hóa, máy móc, thiết bị 2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ hiện tại 3. Sử dụng công nghệ do các doanh nghiệp khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: cổ đông)* 4. Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: Các nhà cung ứng hoặc khách hàng)* 5. Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới
7.2.1	*Nếu có câu trả lời ở muc 7.2, mã 1* →	Giá trị mua công nghệ này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng)*
7.2.2	*Nếu có câu trả lời ở mục 7.2, mã 2* →	Giá trị trong việc nâng cấp này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng*
7.3	Nếu quan hệ của doanh nghiệp với khách hàng nước ngoài dẫn đến việc chuyển giao công nghệ, thì dưới loại hình nào? → (*Khoanh tròn những lựa chọn phù hợp)*	1. Đầu tư vào công nghệ mới được thể hiện qua hàng hóa, máy móc, thiết bị 2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ hiện tại 3. Sử dụng công nghệ do các công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: cổ đông)* 4. Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: Các nhà cung ứng hoặc khách hàng)* 5. Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới
7.3.1	*Nếu trả có câu trả lời ở mục 7.3, mã 1* →	Giá trị mua công nghệ này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng*
7.3.2	*Nếu có câu trả lời ở mục 7.3, mã 2* →	Giá trị trong việc nâng cấp này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng*
7.4	Nếu quan hệ của doanh nghiệp với nhà cung cấp ở Việt Nam dẫn đến việc chuyển giao công nghệ, thì dưới loại hình nào? → (*Khoanh tròn những lựa chọn phù hợp)*	1. Đầu tư vào công nghệ mới được thể hiện qua hàng hóa, máy móc, thiết bị 2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ hiện tại 3. Sử dụng công nghệ do các công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: cổ đông)* 4. Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: Các nhà cung ứng hoặc khách hàng)* 5. Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới
7.4.1	*Nếu có câu trả lời ở mục 7.4, mã 1* →	Giá trị mua công nghệ này là bao nhiêu? ……*(triệu đồng)*
7.4.2	*Nếu có câu trả lời ở mục 7.4, mã 2* →	Giá trị trong việc nâng cấp này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng)*
7.5	Nếu quan hệ của doanh nghiệp với nhà cung cấp nước ngoài dẫn đến việc chuyển giao công nghệ, thì dưới loại hình nào? → (*Khoanh tròn những lựa chọn phù hợp)*	1. Đầu tư vào công nghệ mới được thể hiện qua hàng hóa, máy móc, thiết bị 2. Nâng cấp/chỉnh sửa công nghệ hiện tại 3. Sử dụng công nghệ do các công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: cổ đông)* 4. Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp *(ví dụ: Các nhà cung ứng hoặc khách hàng)* 5. Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới
7.5.1	*Nếu có câu trả lời ở mục 7.5, mã 1* →	Giá trị mua công nghệ này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng)*
7.5.2	*Nếu có câu trả lời ở mục 7.5, mã 2* →	Giá trị trong việc nâng cấp này là bao nhiêu? …… *(triệu đồng)*

Mục E: Năng lực đổi mới và tổ chức cải tiến công nghệ

8.1	Nhằm **cải thiện kết quả hoạt động, doanh nghiệp** có theo đuổi bất cứ chiến lược nào sau đây? → *(Khoanh tròn tất cả các trả lời phù hợp)*	1. Cải tiến quy trình sản xuất (ví dụ *tiết kiệm thời gian*) 2. Cải tiến chất lượng sản phẩm (ví dụ *nâng cao chất lượng SP sẵn có*) 3. Mở rộng nhiều loại sản phẩm (*ví dụ sản phẩm mới*) 4. Mở rộng hoạt động của doanh nghiệp vào một lĩnh vực sản xuất – kinh doanh mới 5. Thay đổi hoạt động của doanh nghiệp sang một lĩnh vực sản xuất – kinh doanh khác

8.2	Doanh nghiệp có phải đối mặt với những khó khăn *(được liệt kê dưới đây)* dẫn đến việc trì hoãn hoặc cản trở kết quả **hoạt động của doanh nghiệp?** *0 = không liên quan, 1= ít quan trọng, 10= rất quan trọng* (*Trong mỗi dòng, khoanh tròn 01 chữ số phù hợp*)	
	1. Cơ sở hạ tầng cơ bản (*điện, năng lượng, đất đai...*) 2. Cơ sở hạ tầng giao thông (*đường sá, sân bay,..*) 3. Cơ sở hạ tầng truyền thông 4. Tài chính (*tín dụng, vay vốn,…*) 5. Số lượng lao động 6. Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của người lao động 7. Máy móc, thiết bị công nghệ 8. Khác, *ghi rõ*:……..	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

8.3	1. Doanh nghiệp có các hoạt động **nghiên cứu và phát triển** công nghệ không?		1. Có 2. Không, *chuyển tới câu hỏi 8.4*
	2. Doanh nghiệp bắt đầu hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ từ năm nào?		Năm: ……..……..
	3. Số lượng các dự án, sáng kiến nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp trong năm 2016 là ?		1. Đang thực hiện ……. 2. Đã kết thúc ……..……. 3. Bị hủy bỏ…….…..…
	4. Các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ do DN tự thực hiện hay thuê ngoài? (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)	1. Tự nghiên cứu 2. Thuê ngoài 3. Cả hai,	*Nếu trả lời 03- Cả hai*: Ước tính tỷ lệ 3.1. Tự nghiên cứu : …….. % 3.2. Thuê ngoài: ……% (*Tổng số bằng 100%)*
	5. **Mục đích chính** của các hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp là? (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)	1. **Đổi mới chung** (*VD: các hoạt động nghiên cứu cơ bản không hướng tới SP đầu ra cụ thể nào, ảnh hưởng đến DN và ngoài DN*) 2. **Đổi mới cho nội bộ doanh nghiệp** (*VD: hoạt động nghiên cứu nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể, đã xác định rõ và chỉ ảnh hưởng đến DN*)	
	6. Mục tiêu đổi mới công nghệ là? (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)		1. Mới đối với DN 2. Mới đối với thị trường 3. Mới đối với thế giới
	7. Nguồn kinh phí **chủ yếu** cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ là từ đâu? (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)		1. Ngân sách nhà nước 2. Vốn tự có của DN 3. Vay tín dụng 4. Liên doanh 5. Khác, *ghi rõ* …….
8.4	Doanh nghiệp có bao nhiêu bằng sáng chế cấp **quốc gia**?		1. Mới trong năm 2016: ……... 2. Tổng số (*lũy kế đến cuối năm 2016*):…….
8.5	Doanh nghiệp có bao nhiêu bằng sáng chế cấp **quốc tế**?		1. Mới trong năm 2016: ……... 2. Tổng số (*lũy kế đến cuối năm 2016*):…….
8.6	Doanh nghiệp hiện có đang phối hợp nghiên cứu không?		1. Có, từ năm ……..… 2. Không
8.7	Trong doanh nghiệp, ai là người chịu trách nhiệm chính phát triển công nghệ mới? (*Khoanh tròn 01 câu trả lời phù hợp*)		1. Người nước ngoài 2. Người Việt Nam 3. Kiều bào trở về nước

9.1	Doanh nghiệp có điều chỉnh các công nghệ/MMTB sản xuất hoặc công nghệ/MMTB thông tin truyền thông trong năm 2016 không? *Ví dụ*: Để lắp đặt trong công ty, tăng hiệu quả, làm cho máy móc vận hành nhanh, tốt hơn? (*các hoạt động liên quan tới việc điều chỉnh các công nghệ hiện là mới với doanh nghiệp hoặc với đất nước*)	1.Có 2.Không
9.2	Số lần thay đổi/ điều chỉnh **thành công**: → (*Tính lũy kế tới hiện tại*)	……..…. …lần

10.1	Doanh nghiệp có phát triển công nghệ nào (*thông qua Nghiên cứu và Phát triển hoặc điều chỉnh công nghệ*) được các doanh nghiệp khác quan tâm không?	1. Có 2. Không → *Kết thúc*
10.2	Công nghệ mới của doanh nghiệp đã được sử dụng ở bên ngoài doanh nghiệp chưa?	1. Có 2. Không → Kết thúc